

Bản án số: 466/2020/HS-PT

Ngày: 23/9/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;
Ông Hoàng Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 812/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Phùng Văn T, Hoàng Văn G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**** Các bị cáo bị kháng cáo:***

1. Phùng Văn T, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố số 4, M, phường T, quận N, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Phòng 509, tòa nhà CT4-4, khu đô thị M, phường T, quận N, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Phùng Văn H, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1947; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1978 và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Là Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ Công ty dược B, tháng 7/2011 chuyển sinh hoạt Đảng nhưng không chuyển hồ sơ về nơi sinh hoạt mới và tự ý bỏ sinh hoạt Đảng từ tháng 7/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/8/2016 đến ngày 02/12/2016, hiện tại ngoại, (có mặt).

2. Hoàng Văn G, sinh năm 1980; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 4, xã V, huyện V, tỉnh Bắc G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1958 và con bà Thân Thị Y sinh năm 1960; có vợ là Thân Thị Th, sinh năm 1979; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 25/10/2006, bị TAND huyện Y, tỉnh Bắc G xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đã chấp hành xong bản án ngày 19/6/2007;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/7/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh, (có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo Phùng Văn T:** Ông Phạm Tiến Quyền – Luật sư, Công ty Luật TNHH Q – Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh, (xin xét xử vắng mặt và có gửi bản luận cứ).

*** Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn G:** Ông Vũ Văn Ngh – Luật sư, Công ty Luật TNHH T – Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh, (có mặt).

*** Bị hại có kháng cáo:**

1. Ông Hoàng Long C, sinh năm 1966; Trú tại: khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, (có mặt);

2. Bà Đào Thị A, sinh năm 1961; Trú tại: khu A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, (có mặt);

3. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1962; Trú tại: khu Tân Lập, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, (có mặt);

4. Bà Đặng Hồng Ph, sinh năm 1957; Trú tại: xóm D1, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hoàng Long C, bà Đào Thị A, bà Hồ Thị L và bà Đặng Hồng Ph là ông Ngô Thành Ba, ông Trương Quốc Hòe - Luật sư Văn phòng Luật sư I thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, (có mặt ông Hòe).

Bị hại không có kháng cáo: Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1949; Trú tại: Thôn P, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

1. Công ty cổ phần dịch vụ và hỗ trợ nhân đạo A (viết tắt là Công ty A), có trụ sở: Số 3, dãy A, khu Trung Yên 6, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội do các cổ đông sáng lập gồm Phùng Văn T-Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc; Hoàng Văn G và Phúc Thị Th (trong đó Th không góp vốn, chỉ làm kế toán, văn phòng trong Công ty), mã số thuế Công ty đăng ký là 0107124262, được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 19/11/2015, ngành nghề kinh doanh gồm: Vận tải hành khách, dịch vụ ăn uống, nhà đất, quảng cáo, sửa chữa bảo dưỡng xe mô tô, buôn bán xe ô tô, xây dựng công trình.

Sau khi thành lập, Công ty A không hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, hàng hóa và không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập “*Quỹ nhân đạo A*”, hoạt động trong lĩnh vực làm từ thiện. Với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên T và G đã bàn bạc thành lập: Quỹ hỗ trợ nhân đạo A, thuê thiết kế 01 địa chỉ Website: nhandaoanhminh.com, xây dựng phần mềm quản lý cộng tác viên, phần mềm này do T toàn quyền quản lý các nội dung như tên người tham gia, địa chỉ, số điện thoại, chứng minh thư nhân dân, tên tài khoản, số mã tham gia, số tiền tham gia, tiền hỗ trợ chi trả... Sau đó T, G đề ra “*Chương trình phát triển Quỹ hỗ trợ nhân đạo A*” với tên gọi là “*Tri ân vàng*” hoạt động dưới dạng đa cấp, dưới hình thức trả tiền hỗ trợ bằng thuật toán “*Lấy tiền của người tham gia sau để trả tiền cho người tham gia trước*”, tức là khi tham gia vào chương trình thì được mở một tài khoản IP trong địa chỉ Website: nhandaoanhminh.com của Công ty và người tham gia phải đóng tối thiểu là 900.000 đồng/01 mã, để được tham gia, hưởng chương trình hỗ trợ của Công ty tối đa là 1.600.000 đồng/01 mã, việc hỗ trợ trả thưởng được chia làm 03 lần với điều kiện gồm:

- Hỗ trợ lần 1: Cứ sau thành viên thứ nhất có một thành viên mới tham gia thì thành viên thứ nhất nhận tiền hỗ trợ lần 1 là 200.000 đồng.

- Hỗ trợ lần 2: Cứ sau thành viên thứ nhất có hai thành viên mới nhận hỗ trợ lần 1 thì thành viên thứ nhất nhận tiền hỗ trợ lần 2 là 500.000 đồng.

- Hỗ trợ lần 3: Cứ sau thành viên thứ nhất có ba thành viên mới nhận hỗ trợ lần 2 thì thành viên thứ nhất nhận tiền hỗ trợ lần 3 là 900.000 đồng.

Để lôi kéo được nhiều người tham gia, T và G đã tính toán trả tiền hỗ trợ cao, mục đích là để đánh vào lòng tham của người tham gia dưới hình thức: Người tham gia nộp 900.000 đồng/01 mã thì được hưởng tối đa là 1.600.000 đồng/01 mã khi đã đủ các điều kiện trên, trích hưởng tiền hoa hồng cao là

200.000 đồng/01 mã cho người giới thiệu được người khác tham gia 900.000 đồng/01 mã, Công ty của T và G chỉ thu về 700.000 đồng/01 mã. Việc đề ra chương trình “*Tri ân vàng*” và thuật toán trả thưởng, trả hoa hồng cao như vậy thì T và G sẽ được hưởng khoảng 14% tổng doanh thu của 5.000 mã đầu tiên và sau đó tiếp tục được hưởng khoảng 11% tổng doanh thu của các mã tiếp theo, trong trường hợp chương trình không có người tham gia nữa, hệ thống Website dừng thì T và G sẽ trả khoảng 70% tiền gốc cho người tham gia và khi đó người tham gia bị thua lỗ 30%, nên họ vẫn có thể chấp nhận, thì T và G sẽ được hưởng 30%.

Sau đó, vào khoảng đầu tháng 12/2015 không nhớ ngày cụ thể, T và G đã tổ chức hội thảo tại khách sạn Suối Hoa, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh để tư vấn, giới thiệu lôi kéo khách hàng theo chương trình “*Tri ân vàng*”. Tại đây T, G giới thiệu cho những người dự hội thảo nội dung không đúng sự thật như “Tổ chức từ thiện cho các trường học vùng sâu, vùng cao, thành lập quỹ Công ty, ký quỹ 5 tỷ đồng với Nhà nước, thành lập quỹ hỗ trợ nhân đạo A được Bộ Nội Vụ cấp giấy phép, xây dựng trại trẻ mồ côi tại Đông Anh, tổ chức từ thiện cho các hộ nghèo khắp cả nước... Đồng thời đưa ra chương trình phát triển quỹ hỗ trợ với phương thức trả hoa hồng, hỗ trợ cao để đánh vào lòng tham và lôi kéo nhiều người tham gia như T và G đã bàn bạc, người tham gia đăng ký tài khoản trên Website: nhandaoanhminh.com, sau khi người tham gia nộp tiền tương ứng với mã số thì T sẽ dùng quyền quản trị hệ thống để kích hoạt tài khoản của người tham gia, giúp cho T và người tham gia cùng theo dõi, xác nhận mã số tham gia, số tiền nộp, tiền hỗ trợ người tham gia được hưởng. Sau đó, do số lượng người tham gia không nhiều nên T và G lại đưa ra chương trình “*Lộc xuân*” với hình thức, người tham gia phải nộp 300.000 đồng/01 mã và được chi trả tối đa là 600.000 đồng/01 mã, việc chi trả được chia làm 03 cung gồm:

- Cung 1: Cứ sau người tham gia thứ nhất có một người mới tham gia thì người tham gia thứ nhất nhận tiền thoát cung 1 là 50.000 đồng.

- Cung 2: Cứ sau người tham gia thứ nhất có hai người mới nhận tiền thoát cung 1 thì người tham gia thứ nhất nhận tiền thoát cung 2 là 150.000 đồng.

- Cung 3: Cứ sau người tham gia thứ nhất có ba người tham gia mới nhận tiền thoát cung 2 thì người tham gia thứ nhất nhận tiền thoát cung 3 là 400.000 đồng.

Do, không có khả năng chi trả tiền cho người tham gia, đến khoảng đầu tháng 02/2016, T thông báo cho người tham gia biết Công ty ngừng hoạt động trên hệ thống Website và dừng toàn bộ việc trả tiền cho người tham gia.

Cuối tháng 02/2016, những người bị hại tại tỉnh Bắc Ninh đã có đơn tố cáo hành vi của T và G đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào dữ liệu điện tử trên hệ thống Website đã xác định được toàn bộ số tiền người tham gia nộp, tiền hỗ trợ và chi trả, tiền hoa hồng và tiền T và G chiếm đoạt của người bị hại trong chương trình “Tri ân vàng” và “Lộc xuân” tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Bắc G, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Phú Thọ và Nghệ An cụ thể như sau:

- Có 195 người bị hại tham gia trực tiếp đứng tên trên hệ thống Website: nhandoanhminh.com bị thiệt hại với tổng số tiền là 4.576.600.000 đồng (trong đó, nộp vào tổng số tiền là 12.058.400.000 đồng, đã được T, G chi trả do thoát cung, hoa hồng số tiền 7.481.800.000 đồng). Số tiền này T chia cho G 253.000.000 đồng, tạm ứng tiền lương cho Th 50.000.000 đồng, còn lại T sử dụng 4.273.600.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

- Có 17 người tham gia nhưng được hưởng lợi do thoát cung, do giới thiệu hưởng hoa hồng là 662.700.000 đồng (trong đó nộp cho T 2.889.300.000 đồng, đã được T, G chi trả số tiền 3.519.000.000 đồng).

- 235 người có tên trên hệ thống Website: nhandoanhminh.com nhưng không tham gia mà cho người khác mượn Giấy chứng minh nhân dân để tham gia hoặc có tên trên hệ thống của Công ty nhưng không đề nghị gì.

- 185 người tham gia nhưng trong quá trình điều tra xác minh chưa xác định được địa chỉ cụ thể và số tiền bị thiệt hại.

Tại Cơ quan điều tra, Phùng Văn T và Hoàng Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, sau khi thành lập, Công ty A không có hoạt động sản xuất kinh doanh và không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập “Quỹ nhân đạo A, hoạt động trong lĩnh vực làm từ thiện”. Theo quy định của pháp luật thì việc thành lập Công ty cổ phần phải có 03 thành viên là cổ đông sáng lập nên T và G rủ Th tham gia cổ đông Công ty, nhưng Th không phải góp vốn, mà T và G chỉ thuê Th làm kế toán, thủ quỹ và làm văn phòng cho Công ty, việc kinh doanh, mở hội thảo, tư vấn, làm từ thiện... là đều do T và G tự thống nhất, quyết định và không bàn gì với Th, số tiền 50 triệu đồng là do T trả tạm ứng tiền công cho Th. Đối với những người là khách hàng mua nhiều mã của Công ty, thì T và G đã nhờ những người này làm đầu mối, tư vấn cho người khác cùng tham gia và thu tiền trả tiền cho khách hàng khi hỗ trợ, thoát cung và được chi trả tiền hoa hồng rồi lại dùng tiền hoa hồng để đầu tư vào mua mã khách hàng, nhưng đều không biết việc T và G lừa đảo để chiếm đoạt tài sản. Sau khi mở Công ty, T và G thuê trụ sở để làm văn phòng giao dịch và mua 02 bộ máy tính để làm

các văn bản giấy tờ của Công ty nhưng không sử dụng máy tính đó để nhập mã khách hàng, khi Công ty dừng hoạt động, trả nhà thuê thì T đã bán 02 bộ máy tính cho người không quen biết nên không thu hồi được, toàn bộ khách hàng tham gia mua mã thì có khách hàng chuyển tiền mặt cho T, có khách hàng chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của T, T trực tiếp quản lý toàn bộ tiền của khách hàng và tự thu chi.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh:

- Văn bản số: 1678/SNV-CTTN & QLH ngày 11/7/2016 của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội kết luận: “Quỹ từ thiện của Công ty cổ phần dịch vụ và hỗ trợ nhân đạo A” không nằm trong danh sách các quỹ xã hội, quỹ từ thiện thuộc đối tượng quản lý Nhà nước của UBND thành phố Hà Nội. Hiện nay, Sở Nội vụ chưa nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ từ thiện của Công ty cổ phần dịch vụ và hỗ trợ nhân đạo A.

- Văn bản số: 342/TMĐT-QLHĐTMTĐT ngày 05/7/2016 của Cục thương mại điện tử và công nghệ thông tin – Bộ Công Thương kết luận: Hiện tại Website: nhandaoanhmanh.com chưa tiến hành thông báo hay đăng ký Website thương mại điện tử với Bộ Công Thương theo quy định tại Nghị định số: 52/2013/ND-CP của Chính Phủ.

- Văn bản trả lời số: 977/PTTH & TTĐT ngày 22/7/2016 của Cục phát thanh truyền hình và thông tin điện tử - Bộ Thông tin và truyền thông kết luận: Website: nhandaoanhminh.com chưa được Cục phát thanh truyền hình và thông tin điện tử cấp giấy phép hoạt động trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội.

- Văn bản số: 796/QLCT-P5 ngày 13/7/2016 của Cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công Thương kết luận: Tính đến ngày 13/7/2016, Công ty cổ phần dịch vụ và hỗ trợ nhân đạo A chưa được Cục quản lý cạnh tranh cấp giấy phép chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Nghị định số: 42/2014/NĐ-CP và thông tư số: 24/2014/TT-BCT.

- Văn bản số: 10938/CCT-KT2 ngày 16/6/2016, tại Chi cục thuế quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội kết luận: Công ty cổ phần dịch vụ và hỗ trợ nhân đạo A từ khi thành lập đến nay không phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh gì, không phát sinh việc nộp thuế.

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị Ngọc B, vợ của T đã bồi thường thiệt hại cho 71 người bị hại 1.702.350.000 đồng (trong đó có 253.000.000 đồng của Hoàng Văn G đưa cho chị Bích để cùng khắc phục hậu quả). Trong tổng số 71 người bị hại này, qua Hoàng Văn H, chị Bích đã chi trả cho 29 người với số tiền

204.400.000 đồng. Còn 2.874.250.000 đồng T, G chưa bồi thường.

Ngoài ra, chị Bích đã nộp 130.000.000 đồng để khắc phục tiếp hậu quả.

2. Công ty TNHH thương mại và Dịch vụ du lịch Th (viết tắt là Công ty Th), có trụ sở tại: số nhà 131, đường N, phường X, thành phố Bắc Ninh được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 27/6/2016, do chị Thân Thị Th (là vợ của G) làm Giám đốc và Hoàng Văn G làm Phó Giám đốc, ngành nghề kinh doanh gồm: Đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, dịch vụ lưu trú ngắn ngày và không được Cục quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương cấp giấy phép hoạt động kinh doanh đa cấp hoặc hoạt động huy động tài chính.

Việc thành lập Công ty Th là do G nhờ chị Th đứng tên, mọi hoạt động của Công ty chị Th đều không biết. Ngày 13/10/2017, chị Th làm giấy ủy quyền cho G toàn quyền tổ chức, điều hành, chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Quá trình kinh doanh G đã giới thiệu với mọi người Công ty du lịch Th hoạt động du lịch truyền thống dưới hình thức là người tham gia vừa được đi du lịch lại vừa có thêm tiền lợi nhuận từ việc tổ chức các tour du lịch đó. Tuy nhiên, Công ty Th không hoạt động theo hình thức du lịch truyền thống mà G đề ra hình thức bán Coupon du lịch (tức tua du lịch được giảm giá). Việc bán Coupon du lịch trên hợp đồng G ký với người mua chỉ là hình thức, không phải là hàng hóa hay một sản phẩm cụ thể, mà là hoạt động mô hình đa cấp, huy động vốn dưới hình thức lấy tiền của người tham gia sau để trả tiền cho người tham gia trước và chiếm đoạt một phần số tiền của người tham gia. Để lôi kéo người tham gia, G đề ra chương trình ký hợp đồng cung cấp sản phẩm Coupon du lịch chi trả tiền hoa hồng như sau: Khi khách hàng tham gia mua 01 Coupon du lịch với giá 350.000 đồng, thì sau 03 tháng người tham gia sẽ được nhận về 450.000 đồng tiền mặt, trong đó Công ty giữ lại 50.000 đồng để cho vào gói tour du lịch nào đó nếu người tham gia đó đi tour du lịch. Mặt khác, để lôi kéo người tham gia mua số lượng Coupon lớn, G đề ra chương trình: Nếu như người tham gia mua từ 1000 Coupon trở lên (tương đương 350.000.000 đồng), thì khi giới thiệu người tham gia khác mua Coupon sẽ được hưởng 10% số tiền mà người được mời tham gia, trong trường hợp nếu như lượng người tham gia mua Coupon giảm dần, mà số lượng người tham gia mua Coupon trước đó lớn, Công ty không đủ tiền chi trả theo tư vấn thì G sẽ chuyển sang tổ chức tour du lịch truyền thống, từ đó lấy tiền chi trả dần cho người tham gia mua Coupon. Tuy nhiên, từ khi thành lập Công ty Th đến nay, Công ty không hoạt động gì, số tiền mà G thu của người tham gia đều được sử dụng để chi trả tiền hoa hồng cho

người mua Coupon và chi tiêu các nhân hết.

Với thủ đoạn như trên, khoảng cuối năm 2017 sau khi được chị Đỗ Thị Phương giới thiệu, bà Ngô Thị Nh đã gặp và tham gia mua của G tổng số 7000 Coupon = 2.450.000.000 đồng của G thông qua 03 hợp đồng, phiếu thu gồm:

- Hợp đồng, phiếu thu ngày 26/10/2017 mua 1000 Coupon = 350.000.000 đồng;
- Hợp đồng, phiếu thu ngày 14/11/2017 mua 3000 Coupon = 1.050.000.000 đồng;
- Hợp đồng, phiếu thu ngày 16/11/2017 mua 3000 Coupon = 1.050.000.000 đồng;

Thông qua 03 hợp đồng, phiếu thu trên G đã viết bản cam kết cho bà Nh cụ thể:

- Bản cam kết ngày 14/11/2017 G nhận 1.350.000.000 đồng cho bà Nh và sẽ trả tiền gồm: Ngày 20/11/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 27/11/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 04/12/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 11/12/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 18/12/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 25/12/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 01/01/2018 trả 187.500.000 đồng, ngày 08/01/2018 trả 187.500.000 đồng.

- Bản cam kết ngày 16/11/2017 G nhận 1.500.000.000 đồng cho bà Nh và sẽ trả tiền gồm: Ngày 20/11/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 27/11/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 04/12/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 11/12/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 17/12/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 24/12/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 01/01/2018 trả 187.500.000 đồng, ngày 08/01/2018 trả 187.500.000 đồng.

Sau đó, G đã trả cho bà Nh số tiền 925.000.000 đồng theo phiếu chi: Ngày 14/11/2017 trả 150.000.000 đồng, ngày 16/11/2017 trả 150.000.000 đồng, ngày 16/11/2017 trả 187.500.000 đồng, ngày 04/12/2017 trả 437.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, G khai nhận việc thành lập Công ty Th là do G nhờ vợ là chị Th đứng tên, mọi hoạt động của Công ty do G điều khiển, G không đưa tiền cho chị Th, chị Th không biết việc G bán Coupon du lịch. Kể từ khi thành lập công ty trên G đã bán Coupon du lịch cho một số người và đã thanh toán trả hết, do bà Nh là người tham gia cuối cùng số tiền bà Nh nộp G đã dùng chi trả cho những người trước và ăn tiêu hết nên không còn tiền trả cho bà Nh. Số tiền nhận 2.450.000.000 đồng, G đã trả bà Nh thông qua phiếu chi 3 lần là 925.000.000 đồng và 01 lần không có phiếu chi là 300.000.000 đồng. Hiện còn chưa trả bà

Nh là 1.225.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phùng Văn T và Hoàng Văn G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 10 (Mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 05/8/2016 đến ngày 02/12/2016.

* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Xử phạt Hoàng Văn G 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/7/2018.

* Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 288 Bộ luật dân sự:

- Buộc Phùng Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho người bị hại tổng số tiền là 4.676.600.000 đồng, trong đó T phải bồi thường 3.000.000.000 đồng, G phải bồi thường 1.676.600.000 đồng.

T đã bồi thường tại giai đoạn điều tra là 1.449.350.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc B đã nộp 130.000.000 đồng nên Phùng Văn T còn phải bồi thường tiếp 1.420.650.000 đồng. G đã bồi thường 253.000.000 đồng nên G còn phải bồi thường tiếp 1.423.600.000 đồng. Cụ thể hai bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại số tiền trong đó có ông Hoàng Long C 9.100.000 đồng, bà Đào Thị A 35.000.000 đồng, bà Đặng Hồng Ph 280.000.000 đồng.

- Xác nhận bà Nguyễn Thị K không yêu cầu hai bị cáo T, G phải bồi thường 31.300.000 đồng.

- Buộc Hoàng Văn G phải bồi thường cho bà Ngô Thị Nh số tiền 1.225.000.000 đồng. Tổng cộng G phải bồi thường 2.648.600.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về bồi thường cho các bị hại khác, xử lý vật chứng, án phí, quy định về nghĩa vụ thanh toán và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 12/9/2019, bị hại là bà Hồ Thị L kháng cáo xem xét trách nhiệm

hành sự của Hoàng Văn H và xem xét về phần trách nhiệm dân sự là đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo Phùng Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho bà 36.900.000 đồng;

Ngày 12/9/2019, bị hại là bà Đặng Hồng Ph kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo bồi thường cho bà 280.000.000 đồng là không đúng mà buộc các bị cáo phải bồi thường cho bà là 429.000.000 đồng. Đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Văn H và Nguyễn Thị Nh là hai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vì ông Huân nhận 88.000.000 đồng và bà N nhận 4.000.000 đồng tiền thoát thuế của bà để mua mã mới nhưng không mua (bản thân bà chưa nhận được một đồng nào từ khi đầu tư vào Công ty A do Phùng Văn T làm giám đốc).

Ngày 17/9/2019, bị hại là ông Hoàng Long C kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo T và G, xem xét bồi thường dân sự cho ông và xem xét trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Văn H và Nguyễn Thị Nh.

Ngày 17/9/2019, bị hại là bà Đào Thị A kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo, xem xét bồi thường dân sự cho bà và xem xét trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại và các bị cáo đều thừa nhận trình bày như nội dung của bản án sơ thẩm.

- Bà Hồ Thị L trình bày kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc hai bị cáo Phùng Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho bà tổng số tiền mà bà bị thiệt hại là 36.900.000 đồng.

- Bà Đặng Hồng Ph trình bày kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc hai bị cáo Phùng Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho bà số tiền mà bà bị thiệt hại là 429.000.000 đồng.

- Ông Hoàng Long C trình bày kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc hai bị cáo Phùng Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho ông tổng số tiền mà ông bị thiệt hại là 42.800.000 đồng.

- Bà Đào Thị A trình bày kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc hai bị cáo Phùng Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho bà tổng số tiền mà bà bị thiệt hại là 59.000.000 đồng.

Ngoài ra, bị hại là ông Trần Văn Ph được Tòa án triệu tập đến phiên tòa và có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc hai bị cáo Phùng Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho ông tổng số tiền mà ông bị thiệt hại là 18.000.000 đồng.

- Các bị cáo Phùng Văn T và Hoàng Văn G nhất trí liên đới bồi thường cho các bị hại có kháng cáo như đề nghị của các bị hại nêu trên và thỏa thuận bồi thường cho ông Pho như đề nghị của ông Pho.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của các ông bà Đặng Hồng Ph, Hồ Thị L, Đào Thị A và Hoàng Long C trong thời hạn luật định nên được xem xét.

Tại phiên tòa ông Coóng, bà An thay đổi kháng cáo và chỉ đề nghị xem xét về phần dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối phần kháng cáo về hình phạt đối với hai bị cáo T và G.

Về nội dung: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình như xác định của bản án sơ thẩm, các bị cáo không kháng cáo, bị hại có kháng cáo về phần hình phạt tại phiên tòa phúc thẩm đã thay đổi kháng cáo không kháng cáo về phần hình phạt chỉ yêu cầu giải quyết phần dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận về mức bồi thường dân sự. Đây là sự tự nguyện của các bên không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm thì ông Trần Văn Ph có đơn đề là Đơn kháng cáo. Tuy nhiên, ông Pho đã có mặt tại phiên Tòa sơ thẩm (theo biên bản phiên tòa tại BL4122) và thời điểm ông gửi đơn Tòa án cấp phúc thẩm đã mở phiên tòa và tại phiên tòa phúc thẩm ông Pho có mặt và ông đã trình bày yêu cầu của mình và được các bị cáo chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận giữa các bị cáo với ông Pho là các bị cáo bồi thường cho ông Pho tổng số tiền là 18.000.000 đồng.

Do đó, căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối phần tăng nặng hình phạt hai bị cáo của hai bị hại là ông Coóng và bà An; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của 04 bị hại, sửa bản hình sự về một phần dân sự và ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị hại và các bị cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại trình bày: Tại phiên tòa các bị hại có kháng cáo về hình phạt đối với 02 bị cáo đã rút phần này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị hại về phần này.

Các bị hại chỉ yêu cầu xem xét về phần dân sự và tại phiên tòa các bị hại đã đưa ra yêu cầu buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền cụ thể mà các bị hại đã tham gia tên gọi là “Tri ân vàng” và chương trình “Lộc xuân” và các bị cáo đều nhất trí. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận này giữa các bị cáo và 04 người bị hại.

- Luận cứ bào chữa cho bị cáo Phùng Văn T có nội dung:

Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng còn nhiều sai sót, chưa làm rõ được toàn bộ sự thật khách quan, có những vi phạm nghiêm trọng tố tụng, cụ thể: Chưa làm rõ được vai trò của Nguyễn Thị Hải ở Yên Lã, phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, chưa rõ được số tiền thu lợi bất chính của bà Hải đã nhận của các nạn nhân ở khu vực bà Hải làm đầu mối; chưa làm rõ vai trò của Hoàng Văn H tại Bắc G, cần xem xét vai trò của Huân có đồng phạm tích cực hay không, số tiền Huân chiếm đoạt trong vụ án là bao nhiêu, từ đó đối chiếu với trách nhiệm hình sự của T; chưa làm rõ vai trò của Nhâm và Loan tại Bắc G, các cáo buộc lừa đảo chiếm đoạt của T hiện nay chủ yếu tập trung ở đầu mối Bắc G, Lạng Sơn mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng không được làm rõ và vẫn bỏ ngỏ với khoản tiền này quy kết cho T phải bồi thường là không phù hợp với quy định trong vụ án có dấu hiệu đồng phạm.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn G trình bày: Tại phiên tòa những bị hại có kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo đã thay đổi kháng cáo và rút kháng cáo về phần hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ xét xử đối với kháng cáo về phần hình phạt của các bị hại.

Về phần dân sự: Tại phiên tòa các bị cáo T và G đã thỏa thuận và tự nguyện bồi thường cho các bị hại có kháng cáo và bồi thường cho ông Pho. Đây là sự tự nguyện của các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận thỏa thuận này.

- Bị cáo T và bị cáo G đề nghị Hội đồng xem xét theo đề nghị của các bị hại và sự tự nguyện của các bị cáo đối với các bị hại về phần dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Hồ Thị L, bà Đặng Hồng Ph, ông Hoàng

Long C và bà Đào Thị A kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Phùng Văn T và Hoàng Văn G đã khai thống nhất với lời khai tại quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Phùng Văn T và Hoàng Văn G thành lập Công ty cổ phần dịch vụ và hỗ trợ nhân đạo A và lập quỹ hỗ trợ nhân đạo A, nhưng không hoạt động sản xuất, kinh doanh, không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập Quỹ hỗ trợ nhân đạo A. Nhằm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, khoảng đầu tháng 12/2015, T và G đã tổ chức hội thảo tư vấn, giới thiệu lôi kéo khách hàng, đề ra “*Chương trình phát triển Quỹ hỗ trợ nhân đạo A*” với tên gọi là “*Tri ân vàng*” và “*Lộc xuân*” tại khách sạn Suối Hoa, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, hoạt động dưới dạng đa cấp. Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 11/2015 đến đầu tháng 02/2016, T và G đã thu tiền của những người bị hại và hứa chi trả tiền hỗ trợ, thoát cung và trả hoa hồng cao nhưng sau đó không thực hiện chi trả đúng như cam kết ban đầu và chiếm đoạt của 195 người bị hại tại các tỉnh Bắc Ninh, Bắc G, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Phú Thọ và Nghệ An với số tiền là 4.576.600.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

Về cách tính: Số tiền bị hại bị thiệt hại = Số tiền bị hại nộp vào – (Số tiền thoát cung + tiền hoa hồng T, G đã chi trả). Và tính ra số tiền là 4.576.600.000 đồng.

Ngoài hành vi trên, Hoàng Văn G còn thành lập Công ty TNHH thương mại và dịch vụ du lịch Th để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể từ 26/10/2017 đến 16/11/2017 Hoàng Văn G tư vấn, giới thiệu, lôi kéo khách hàng tham gia mua bán Coupon du lịch, hoạt động dưới hình thức đa cấp, trên thực tế công ty của G không có hoạt động thương mại, du lịch nào. Với thủ đoạn và mục đích gian dối ngay từ đầu, G đã chiếm đoạt của bà Ngô Thị Nh số tiền 1.225.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Như vậy, Hoàng Văn G chịu trách nhiệm chung cho cả hai hành vi phạm tội với số tiền chiếm đoạt là 5.801.600.000 đồng.

Bị cáo T và G thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01/01/2018 nhưng tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 và điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 không khác biệt nên cần xét xử các bị cáo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như xác

định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự cũng như kiến nghị xem xét trách nhiệm hình sự của một số đối tượng là có căn cứ.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không kháng cáo; các bị hại là bà Hồ Thị L, bà Đặng Hồng Ph, ông Hoàng Long C và bà Đào Thị A kháng cáo xem xét về phần trách nhiệm dân sự cũng như xem xét trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Văn H và Nguyễn Thị Nh và ngoài ra, ông Coóng và bà An kháng cáo trong đó có phần xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Phung Văn T và Hoàng Văn G.

[4] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Long C và bà Đào Thị A thay đổi kháng cáo và rút kháng cáo về tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo T và G. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ xét xử phúc thẩm đối phần kháng cáo này của các bị hại.

Bà Hồ Thị L, bà Đặng Hồng Ph, ông Hoàng Long C và bà Đào Thị A chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét về phần dân sự đối với ông bà còn các vấn đề khác đã được xem xét tại bản án sơ thẩm thì không có ý kiến gì.

- Bà Hồ Thị L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc hai bị cáo Phung Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho bà tổng số tiền mà bà bị thiệt hại là 36.900.000 đồng (quyết định bản án sơ thẩm không buộc hai bị cáo bồi thường cho bà Loan).

- Bà Đặng Hồng Ph đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc hai bị cáo Phung Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho bà số tiền mà bà bị thiệt hại là 429.000.000 đồng (quyết định của bản án sơ thẩm là 280.000.000 đồng, bồi thường thêm 149.000.000 đồng).

- Ông Hoàng Long C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc hai bị cáo Phung Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho ông tổng số tiền mà ông bị thiệt hại là 42.800.000 đồng (quyết định của bản án sơ thẩm là 9.100.000 đồng, bồi thường thêm 33.700.000 đồng).

- Bà Đào Thị A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc hai bị cáo Phung Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho bà tổng số tiền mà bà bị thiệt hại là 59.000.000 đồng (quyết định của bản án sơ thẩm là 35.000.000 đồng, bồi thường thêm 24.000.000 đồng).

- Bị cáo Phung Văn T và bị cáo Hoàng Văn G nhất trí liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền như các bị hại đề nghị nêu trên.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm theo đề nghị của ông Trần Văn Ph thì bị cáo Phùng Văn T và bị cáo Hoàng Văn G đều nhất trí liên đới bồi thường cho Trần Văn Ph tổng số tiền là 18.000.000 đồng (quyết định của bản án sơ thẩm là 6.000.000 đồng, bồi thường thêm 12.000.000 đồng).

[5] Hội đồng xét xử thấy, sự thỏa thuận của bị cáo T và bị cáo G với các bị hại là bà Hồ Thị L, bà Đặng Hồng Ph, bà Đào Thị A, ông Hoàng Long C và ông Trần Văn Ph là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, cần thiết phải ghi nhận sự thỏa thuận này của các bị cáo và các bị hại. Do đó, kháng cáo của bà Hồ Thị L, bà Đặng Hồng Ph, bà Đào Thị A, ông Hoàng Long C được chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường cho ông Trần Văn Ph thêm số tiền là 12.000.000 đồng; do đó, Hội đồng xét xử cần thiết phải sửa bản án về phần dân sự và cũng phù hợp với đề nghị Người bảo vệ quyền và lợi ích cho 04 bị hại có kháng cáo, của Luật sư bào chữa cho bị cáo G có mặt tại phiên tòa cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[6] Án phí phúc thẩm: Các bị hại có kháng cáo không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo về tăng nặng hình phạt của các bị hại là bà Đào Thị A và ông Hoàng Long C đối với các bị cáo Phùng Văn T và Hoàng Văn G.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị L, bà Đặng Hồng Ph, bà Đào Thị A, ông Hoàng Long C; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh về một phần dân sự.

Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 288 Bộ luật dân sự.

Buộc Phùng Văn T và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho các bị hại là bà Hồ Thị L 36.900.000 đồng (quyết định bản án sơ thẩm buộc T và G bồi thường cho bà Loan, nay bồi thường 36.900.000 đồng), bà Đặng Hồng Ph là 429.000.000 đồng (quyết định của bản án sơ thẩm buộc T và G bồi thường 280.000.000 đồng, nay bồi thường thêm 149.000.000 đồng), ông Hoàng Long C 42.800.000 đồng (quyết định của bản án sơ thẩm buộc T và G bồi thường 9.100.000 đồng, nay bồi thường thêm 33.700.000 đồng), bà Đào Thị A

59.000.000 đồng (quyết định của bản án sơ thẩm buộc T và G bồi thường 35.000.000 đồng, nay bồi thường thêm 24.000.000 đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Phùng Văn T và Hoàng Văn G liên đới bồi thường cho bị hại là ông Trần Văn Ph 18.000.000 đồng (quyết định của bản án sơ thẩm buộc T và G bồi thường 6.000.000 đồng, nay bồi thường thêm 12.000.000 đồng).

Về án phí phúc thẩm: Bà Hồ Thị L, bà Đặng Hồng Ph, bà Đào Thị A, ông Hoàng Long C không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo (qua trại);
- Bị cáo tại ngoại theo địa chỉ;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng

